

ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SƯ PHẠM ỨNG DỤNG GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO

TRẦN THANH NGUYỄN (*)

LÊ KÍNH THẮNG (**)

TÓM TẮT

Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng là một loại hình nghiên cứu nhằm thực hiện một tác động hoặc can thiệp sư phạm và đánh giá ảnh hưởng của nó trong giáo dục. Để phát triển năng lực đội ngũ nhà giáo đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục, cần thay thế viết sáng kiến kinh nghiệm bằng nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng và đẩy mạnh một số giải pháp như: Nâng cao nhận thức về nhiệm vụ nghiên cứu khoa học; xây dựng các quy chế, quy định; bồi dưỡng năng lực nghiên cứu khoa học cho đội ngũ nhà giáo; gắn nghiên cứu khoa học với thực tiễn giáo dục; tăng cường kiểm tra, kiểm soát; trang bị cơ sở vật chất, kỹ thuật; thực hiện tốt các cơ chế, chính sách đối với nghiên cứu khoa học trong nhà trường.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghiên cứu khoa học là một nhu cầu tất yếu của mỗi nhà giáo để cập nhật kiến thức, phát triển năng lực theo yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục. Từ trước đến nay, hoạt động nghiên cứu khoa học trong nhà trường chủ yếu thực hiện dưới hình thức sáng kiến kinh nghiệm. Đó là những kinh nghiệm, giải pháp về quản lý, về nghiệp vụ, kỹ thuật,... của cá nhân hoặc nhóm đã được áp dụng, thử nghiệm thành công tại cơ sở, đem lại lợi ích thiết thực trong công việc. Tuy nhiên, trước yêu cầu của đổi mới giáo dục

hiện nay, có thể nói, sáng kiến kinh nghiệm trong nhà trường đã không đủ sức đem đến những cải tiến thật sự có tính đột phá; chưa kể đến những hạn chế, tiêu cực như: những suy luận thường mang tính chủ quan, nhiều đề tài viết sơ sài, rập khuôn, sao chép,... mà thực tế là chỉ để phục vụ xét thi đua. Do đó, đã đến lúc ngành giáo dục phải thay thế việc thực hiện sáng kiến kinh nghiệm trong nhà trường bằng một hoạt động nghiên cứu khách quan, khoa học, mang tính ứng dụng thực tiễn cao hơn. Đó là nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng (Action Research in Education).

1. VÀI NÉT VỀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SƯ PHẠM ỨNG DỤNG

Mặc dù nghiên cứu khoa học trong giáo dục đã được đề cập từ rất sớm trong các công trình của Aristotle, Galileo hay Newton nhưng người đầu tiên xem xét một cách hệ thống phải kể đến nhà khoa học Mỹ John Dewey (1859 - 1952) và người đặt nền tảng thực sự cho nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng là Kurt Lewin (1890 - 1947). Nhưng phải bước sang thế kỷ XX nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng mới được áp dụng rộng rãi và phát triển mạnh mẽ với những nghiên cứu của Boone (1904), Buckingham (1926), Lewin (1942, 1944, 1946), Collier (1963), Bain (1979), Ebbutt (1985), Hopkins (1985), Elliott (1991).

(*) Tiến sĩ. Trường Cán bộ quản lý giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh.

(**) Tiến sĩ. Trường phòng Đào tạo Trường Đại học Đồng Nai.

Ở Việt Nam, năm 2007, được sự đồng ý và phối hợp của Bộ Giáo dục và Đào tạo, dự án Việt - Bỉ đã tập huấn và triển khai phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng cho giáo viên và cán bộ quản lý của 14 tỉnh thành miền núi phía Bắc. Từ năm 2009 đến nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã áp dụng, triển khai phương pháp nghiên cứu khoa học này đến tất cả các cấp học, bậc học trên cả nước.

Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng là một loại hình nghiên cứu nhằm thực hiện một tác động hoặc can thiệp sư phạm và đánh giá ảnh hưởng của nó trong giáo dục. Ở đây, người nghiên cứu vừa phải tiến hành thực nghiệm, vừa phải kiểm chứng kết quả và đánh giá ảnh hưởng của nó để quyết định xem có nên sử dụng và phổ biến tác động, can thiệp đó hay không. Với một quy trình chặt chẽ có sự hỗ trợ của các công cụ thống kê, mô tả, nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng giúp cho người nghiên cứu có cơ sở chính xác hơn trong phân tích, đánh giá và giải thích rõ ràng kết quả nghiên cứu.

Với tính ứng dụng, tính quy chuẩn cao và đặc biệt là sử dụng công nghệ thông tin trong nghiên cứu, nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng khi triển khai sẽ đem đến nhiều lợi ích:

- Tạo ra hệ thống tư duy của giáo viên với những đặc điểm giải quyết vấn đề mang tính chuyên nghiệp để hướng tới sự phát triển của trường.
- Tăng cường năng lực giải quyết vấn đề và đưa ra quyết định chuyên môn vì nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng đưa ra câu trả lời chính xác cho việc ra quyết định.
- Hỗ trợ nguyên tắc nhìn lại quá trình và tự đánh giá trong cộng đồng giáo viên.
- Truyền tải động lực và sự cam kết không ngừng tiến bộ.
- Tác động trực tiếp lên việc giảng dạy, học tập và quản lý.

- Tăng cường khả năng phát triển chuyên môn của giáo viên. Giáo viên tiến hành nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng sẽ tiếp nhận các lý thuyết mới, sự sáng tạo và chương trình với thái độ tích cực. (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2009, tr. 4).

Như vậy, có thể khẳng định việc đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng trong nhà trường sẽ góp phần phát triển năng lực của đội ngũ nhà giáo, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục đất nước.

3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SƯ PHẠM ỨNG DỤNG GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO

3.1. Nâng cao nhận thức về nhiệm vụ nghiên cứu khoa học

Như đã nói trên, nghiên cứu khoa học là một nhu cầu tất yếu của mỗi nhà giáo nhưng cũng là một nhiệm vụ được quy định trong nhiều văn bản như: Luật Giáo dục (Điều 18), Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (Điều 31)... Tuy nhiên, không phải giáo viên nào cũng nhận thức rõ về điều này. Mặt khác, áp lực của nội dung, chương trình, chất lượng dạy học trong nhà trường hiện nay đã khiến các thầy, cô giáo không còn thời gian để nghĩ đến việc nghiên cứu; chưa kể nhiều rào cản khác như: sợ không đủ năng lực, ngại tốn kém, thói quen, sức ỳ,... Vì vậy, trước hết cần quán triệt cho các thầy, cô giáo hiểu mục tiêu chung nhất của nghiên cứu khoa học trong nhà trường chính là nhằm nâng cao chất lượng dạy và học. Đây là một mục tiêu kép: nâng cao chất lượng không chỉ cho người học mà còn cho người dạy. Nhận thức, nghĩa là nhận ra và hiểu rõ vấn đề như thế sẽ giúp cho mỗi thầy, cô giáo tự giác, tích cực, quyết tâm vượt qua các khó khăn, rào cản để dễ dàng thực hiện tốt nhiệm vụ nghiên cứu khoa học. Nhất là, với

ngiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, giáo viên có thể nghiên cứu ngay từ những vấn đề nhỏ, gần gũi trong lớp học, trường học; nghiên cứu trong một thời gian ngắn; báo cáo trình bày ngắn gọn, rõ ràng; quy trình và kết quả được lượng hóa cụ thể và được kiểm chứng bằng những công cụ khoa học; sản phẩm nghiên cứu luôn đảm bảo tính ứng dụng thực tiễn.

3.2. Xây dựng các quy chế, quy định về nghiên cứu khoa học trong nhà trường

Hiện nay, trong nhà trường hầu như các quy chế, quy định cho từng hoạt động đã được thiết lập. Đó là hệ thống văn bản do cơ quan quản lý cấp trên hoặc do chính nhà trường ban hành. Các quy định này không chỉ định hướng cho công việc mà còn thể hiện sự công khai, minh bạch, hạn chế sự tùy tiện của cá nhân. Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng trong nhà trường cũng cần có những quy định như vậy. Việc xây dựng kế hoạch triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, việc ban hành các quy chế, quy định về nghiên cứu khoa học trong nhà trường... và các chính sách kèm theo sẽ có tác dụng thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, góp phần phát triển năng lực đội ngũ nhà giáo.

Trong thực tế, các quy chế, quy định khi áp dụng vào công việc vẫn có những kẽ hở, từ đó có thể nảy sinh tình trạng chiếu lệ, chậm trễ, tiêu cực... Cho nên cũng cần phải thiết lập một cơ chế đảm bảo cho việc thực thi các hoạt động. Chẳng hạn, sự kiểm tra, đôn đốc của người có trách nhiệm; việc giám sát thường xuyên của các tổ chức trong nhà trường; báo cáo định kỳ tiến độ thực hiện, v.v.

Để thật sự đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học của nhà giáo, nên chăng các Sở Giáo dục và Đào tạo cần quy định một lộ trình tiến đến loại bỏ hẳn sáng kiến khoa học

trong nhà trường, hoặc chỉ xem xét công nhận cấp tỉnh trở lên đối với các đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng?

3.3. Bồi dưỡng năng lực nghiên cứu khoa học cho đội ngũ nhà giáo

Trong thực tế, rào cản lớn nhất đối với từng giáo viên khi thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học chính là sự e ngại không đủ năng lực nghiên cứu. Cần giúp cho mỗi giáo viên vượt qua được rào cản này bằng con đường bồi dưỡng cho họ những kiến thức và kỹ năng nghiên cứu khoa học. Đây không chỉ là giải pháp đem đến sự tự tin mà còn là công cụ tốt nhất để giúp mỗi giáo viên có thể nghiên cứu, giải quyết được các vấn đề khó khăn của thực tế dạy và học. Về vấn đề này, các tác giả Rawlinson & Little (2004) đã khẳng định: “Với nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, giáo viên sẽ lĩnh hội các kỹ năng mới về tìm hiểu thông tin, giải quyết vấn đề, nhìn lại quá trình, giao tiếp và hợp tác. Trong quá trình nghiên cứu khoa học ứng dụng, những nhà giáo dục nghiên cứu khả năng học tập của học sinh trong mối liên hệ với phương pháp giảng dạy. Quá trình này cho phép những người làm giáo dục hiểu hơn về phương pháp sư phạm của mình và tiếp tục giám sát quá trình tiến bộ của học sinh” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2013, tr. 3). Có thể khẳng định tập huấn nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng là cách tốt nhất để phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho giáo viên.

3.4. Triển khai các hoạt động nghiên cứu gắn với thực tiễn giáo dục

Bất cứ một kế hoạch nào muốn đi vào thực tiễn đều phải trải qua công đoạn triển khai thực hiện. Đây chính là bước quan trọng nhất để quyết định mức độ thành công của kế hoạch. Nhưng thực tế đây cũng là khâu lúng túng nhất trong thực hiện ở cơ sở. Thông thường, các biện pháp cần làm để

đảm bảo cho sự thành công của một kế hoạch là: thành lập ban chỉ đạo, phổ biến kế hoạch, phân công nhiệm vụ, phát động thi đua, thực hiện, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, v.v. Và quan trọng là, trong từng biện pháp đó phải lấy hiệu quả ứng dụng thực tiễn làm tiêu chí chủ yếu để đánh giá chất lượng đạt được của công việc.

Về mặt này, nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng tỏ ra có ưu thế. Trong nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng người nghiên cứu phải thực hiện theo một chu trình khép kín: Suy nghĩ - Thử nghiệm - Kiểm chứng, tương ứng với 7 bước của quy trình nghiên cứu: 1) Xác định hiện trạng; 2) Tìm kiếm giải pháp thay thế; 3) Đưa ra vấn đề nghiên cứu; 4) Lựa chọn thiết kế nghiên cứu; 5) Đo lường; 6) Phân tích; 7) Kết luận. Với một quy trình như vậy, nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng luôn gắn chặt với thực tiễn giáo dục, mang tính ứng dụng cao.

3.5. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát hoạt động nghiên cứu khoa học

Kiểm tra là việc làm thường xuyên trong bất cứ một công đoạn nào nhưng kiểm tra cũng phải được xem là một nhiệm vụ riêng biệt để thực hiện chức năng của nhà quản lý. Kiểm tra trước hết là để kiểm soát kế hoạch, mục tiêu triển khai trong thực tế đã đạt được đến đâu; từ đó có thể có những can thiệp kịp thời. Với ý nghĩa đó, kiểm tra vừa là tiền đề vừa là biện pháp để đảm bảo thực hiện tốt các hoạt động.

Có thể nói, một trong những nguyên nhân khiến hoạt động nghiên cứu khoa học thời gian qua còn nhiều yếu kém chính là sự buông lỏng quản lý, thiếu kiểm tra, đôn đốc thực hiện. Thông thường kế hoạch được phổ biến từ đầu năm học và đề tài cũng đã được đăng ký nhưng mãi đến cuối năm học, khi gần hết thời hạn, giáo viên mới thực hiện một cách vội vàng. Vì vậy, để đẩy mạnh hoạt

động nghiên cứu khoa học, cần tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát (thường xuyên hoặc định kỳ); nâng cao trách nhiệm kiểm soát của hiệu trưởng, tự kiểm soát của mỗi cá nhân, giám sát của các tổ chuyên môn trong nhà trường... nhằm đảm bảo tiến độ và chất lượng thực hiện đề tài. Đối với nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, kiểm tra, kiểm soát còn giúp cho người nghiên cứu đảm bảo đúng quy trình, lựa chọn thiết kế phù hợp, thu thập dữ liệu đáng tin cậy, thống kê, đo lường có ý nghĩa.

3.6. Trang bị các phương tiện cơ sở vật chất, kỹ thuật

Trong nghiên cứu khoa học có những đối tượng nghiên cứu mà kết quả của nó không thể suy luận theo chủ quan, không thể ước lượng theo cảm tính, không thể đo lường bởi mắt trần mà phải bằng những phương tiện kỹ thuật hiện đại. Trong nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng cũng vậy, người nghiên cứu phải tiến hành thực nghiệm; kiểm chứng độ tin cậy, độ giá trị của dữ liệu; sử dụng các công cụ thống kê, đo lường trong máy tính,... cho nên không thể thiếu các phương tiện thiết bị tối thiểu.

Về bản chất mà nói, một công trình nghiên cứu khoa học khó có thể đạt được những kết quả giá trị nếu không có sự hỗ trợ của các phương tiện vật chất, kỹ thuật. Vì vậy, trang bị các phương tiện cơ sở vật chất, kỹ thuật hiện đại trong nghiên cứu khoa học sẽ giúp cho người nghiên cứu tránh được lối suy luận chủ quan, thống kê đơn giản, tính toán thô sơ dễ xảy ra những sai sót, nhầm lẫn.

3.7. Thực hiện tốt cơ chế, chính sách đối với hoạt động nghiên cứu khoa học

Nếu các phương tiện cơ sở vật chất, kỹ thuật có vai trò tạo điều kiện cho nghiên cứu khoa học đạt hiệu quả cao nhất thì việc thực hiện tốt các cơ chế, chính sách chính là để

tạo động lực, động viên, khích lệ nhà giáo tích cực tham gia nghiên cứu khoa học. Động lực là những tác động có giá trị thúc đẩy thái độ, hành vi của cá nhân, bắt nguồn từ nhu cầu nội tại của mỗi cá nhân và thúc đẩy cá nhân hành động để thỏa mãn nhu cầu. Tạo động lực là một biện pháp của nhà quản lý đáp ứng các nhu cầu cá nhân nhằm hoàn thành công việc một cách tốt nhất. Để đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, bên cạnh các biện pháp nói trên, cần có những chính sách thỏa đáng như: hỗ trợ kinh phí nghiên cứu, ứng dụng kết quả nghiên cứu, khen thưởng, đề bạt, v.v.

4. KẾT LUẬN

Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (ban hành kèm theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) đã xác định một trong các nhiệm vụ của giáo viên là “tham gia nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng”; Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế cũng đã xác định một trong 9 nhiệm vụ, giải pháp để đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo là “Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học quản lý”. Như vậy, các nhà quản lý giáo dục và mỗi nhà giáo phải xem việc nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng là một nhiệm vụ trọng yếu để phát triển năng lực chuyên môn, nâng cao chất lượng giáo dục góp phần thực hiện thành công nhiệm vụ “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo” theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XI của Đảng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW* ngày 04 tháng 11 năm 2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Tài liệu tập huấn đào tạo viên về nghiên cứu khoa học ứng dụng*, Dự án Việt - Bỉ, Nghệ An.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), *Bài giảng Phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục thường xuyên*, Hà Nội.
4. Trường Cán bộ quản lý giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh (2013), *Tài liệu bồi dưỡng cán bộ quản lý trường phổ thông, Module 4&5*, lưu hành nội bộ.
5. Taylor, C., Wikie, M., Baser, J. (2006), *Doing Action Research – A Guide for School Support Staff*. Paul Chapman Publishing.
6. Koshy, V. (2010), *Action Research for Improving Educational Practice: A Guide Step-by-Step*. Thousand Oaks, CA.: Sage.

ABSTRACT

Action research in education is a type of action research in order to make an implementation or an intervention and assessment of its impact in education. To develop the teachers' capacity and to support requirements of educational innovation, it is necessary to be replaced writing experience in teaching by action research in education and to promote a number of measures such as: Raising awareness about scientific research, building regulations, rules, fostering scientific research capacity for teachers; mounting scientific research to educational practice; strengthen inspection and control; support

*facilities and technical; properly implement research in the schools.
mechanisms and policies for scientific*